

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

MỘT SỐ Ý NGHĨA VÀ PHONG CÁCH

TƯỢNG PHẬT GIÁO VIỆT

Trong phần này chúng tôi xin đề cập đến một số vấn đề như sau: Phân giải về một pho tượng Phật cơ bản, bao gồm: Ý nghĩa triết học, những chi tiết trên tượng, các cách kết ấn của các Phật và Bồ Tát.

1 - Về Phật tọa thiền toàn phần: Như trên đã trình bày, đó là pho tượng có tóc kết xoắn ốc tay kết ấn tam muội, ngồi kiết già lộ 2 bàn chân... Làm một đường viền theo hình của tượng đức Phật, rồi kẻ một đường trung tâm chạy từ trên đỉnh xuống, chúng ta dễ dàng nhận thấy trong từng nửa này thì phần lớn nhất là lòng đùi. Nhưng, nổi lên giữa lòng đùi trái là lòng bàn chân phải và giữa lòng đùi phải là lòng bàn chân trái. Trong cách thức này, người ta dễ dàng nhận thấy, hình khái quát của tượng đức Phật đồng nhất với vòng tròn Thái cực, có nghĩa là, trong vòng tròn chia đôi theo một đường hình chữ S cân đối để tạo thành lưỡng nghi, tức Âm dương, thì ở phần lớn nhất của Dương - tức Thái dương đã xuất hiện yếu tố Thiếu âm và ngược lại. Đó là một đồ hình biểu hiện về nguyên lý từ Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng... khởi đầu của muôn loài. Đối chiếu với tượng Phật, đùi phải cũng như Thái Dương và trong lòng nó có Thiếu âm là lòng bàn chân trái và ngược lại... Ví thế, người ta cũng hay gọi tượng ngồi kiết già toàn phần là kiểu ngồi âm - dương. Cách ngồi này, do kéo bàn chân lên khiến những huyết đạo đã được tọa cụ (đệm ngồi thiền định) tác động làm thông khí huyết, làm cho kẻ hành giả không bị mỏi mệt, nên có khả năng tập trung được tư tưởng vào những yếu nghĩa sâu xa của

đạo lý. Trong cách ngồi thiền, thông thường giữa ót sau đầu và lưng phải được cùng nằm trên một trục thẳng vuông góc với mặt đất.

Kiểu ngồi như kể trên cũng nhằm để biểu hiện về những yếu nghĩa sâu xa khác đồng nhất với ý nghĩa của hoa sen, để nói về âm - dương, lý - trí, phàm - thánh cùng một thể một cội nguồn... đó là cách ngồi viên mãn vượt qua mọi trở ngại thường tình của cõi dục, nên người ta cũng gọi cách ngồi này là Liên Hoa tọa.

- Một ý nghĩa sâu xa của tọa thiền còn gắn với việc khai mở các trung tâm lực trên chính cơ thể con người, để nhằm phát triển trí tuệ. Tất nhiên những trung tâm lực được khai mở này bao giờ cũng phải đồng nhất với khả năng tu luyện của hành giả. Những người tọa thiền uyên thâm thường hiểu rằng ở đốt xương cùng của cột sống là nơi ngự của một thần xà, cũng gọi là hỏa xà, tên là Kundalini. Tọa thiền là phải đánh thức con rắn này dậy để nó thực hiện nhiệm vụ ngoi lên khai mở các trung tâm lực (theo Thích Tâm Giác: *Tọa thiền*, Nhà in Việt Liên, Sài Gòn, 1963; Trần Lâm Biền: *Chùa Việt*, Nxb. Thông tin, H, 1996). Thần xà thức dậy cũng đồng nhất với khai mở trung tâm lực thứ nhất tại đúng đốt xương cùng, tượng trưng cho trung tâm lực này là bông sen bốn cánh màu đỏ gọi là Muladhara. Huyết này được khai thông thì luồng hỏa tam muội sẽ vươn lên khai mở các luân xa ở huyết cao hơn.

- Trung tâm lực thứ hai nằm tại khu vực của bộ phận sinh dục, được tiếp tục khai mở, tượng trưng bằng bông sen sáu cánh màu đỏ thẫm. Luồng hỏa tam muội tức rắn Kundalini leo tới

đây sẽ khai mở luân xa Svadischana, khi đó hành giả có khả năng thấy được thể phách và thể vía lay chuyển lạ lùng.

- Từ trung tâm thứ hai, hỏa xà leo lên trung tâm thứ 3 ở tại vùng rốn - đan điền, tượng trưng bằng bông sen 10 cánh màu tím. Tới đây, luân xa Manipura được khai mở thì hành giả có thể biết được quá khứ của chính mình và của người khác, đồng thời ít nhiều cũng chi phối được tới tâm tưởng của chúng sinh.

- Đến trung tâm lực thứ tư, nơi trái tim, tượng trưng bằng bông sen 12 cánh màu hồng vàng. Tới đây luân xa Anahata được khai mở, tu sĩ đạt được phép Tha Tâm Thông, không cần hành động mà vẫn hiểu được tư tưởng chúng sinh. Luân xa này khai mở khiến kẻ hành giả phát triển trí tuệ đến mức độ cao và đạt được Thánh quả: Tứ đại vô lượng tâm (đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả). Một biểu hiện cụ thể nhất đối với Đức Phật là hình tượng chữ Vạn ở ngực, cũng có khi ở nhiều tượng được thay bằng bông cúc mãn khai.

- Ở trung tâm lực thứ năm, tại hõm cổ, được tượng trưng bằng bông sen 16 cánh màu xám. Nơi đây, luân xa Vischuda được khai mở, khiến tu sĩ đạt được phép Thiên Nhĩ Thông, có nghĩa là bằng trí tuệ thiêng liêng mà nghe thấy được tiếng kêu cứu của muôn loài chúng sinh bất kể xa, gần, mà phát đại tâm cứu vớt.

- Tới trung tâm lực thứ sáu được hội vào vùng sơn căn, tượng trưng bằng bông sen 2 cánh màu trắng. Tới đây, luân xa Ajna được khai mở khiến kẻ hành giả đạt được quả Thiên Nhãn Thông, có thể nhìn thấu được nỗi đau khổ của mọi chúng sinh ở mọi miền bằng con mắt trí tuệ. Đây cũng là nơi con mắt thứ ba của Quan âm.

- Từ đây rần thần theo trí lực của hành giả mà leo lên trung tâm lực thứ bảy ở chòm sọ để khai mở luân xa Sahasrara. Lúc này kẻ hành giả đạt được trí tuệ viên mãn, có nghĩa là Lưu Tận Thông - tinh thông đến cùng cực, trước sau, to nhỏ, trong ngoài... là đạt được trí tuệ Phật. Tượng trưng cho luân xa này bằng bông sen nghìn cánh màu xanh ánh vàng. Người ta không thể giải thích được ý nghĩa vô cùng to lớn của luân xa này, mà chỉ tượng trưng bày một từ: A-U-M (Úm). Tạm có thể hiểu A-U-M một cách đơn giản (tuy rằng không đúng hẳn) là một tiếng kêu đầy huyền lực thuộc yếu tố tâm linh, để hội tụ một sức mạnh cao cả, tuyệt đối, cho mục tiêu thánh thiện; cũng có thể coi đó là sức mạnh tối

thượng của đấng giáo chủ đạo Yoga... Với người Việt theo đạo Phật, trong ý thức cầu viện để giác ngộ một cách nhanh chóng (đốn ngộ) vị Thầy cả cũng thường niệm những câu như A-U-M! Mani Padmé-Hum! (Úm Mani Bát Mê Hồng) hay A-U-M! Pala Padmé-Hum (Úm Ba La Bát Mê Hồng). Có thể tạm hiểu Mani như chân linh, Bát Mê là hoa sen tượng cho Niết bàn, cả câu có nghĩa là cầu-huyền lực để tìm thấy được chân linh của cõi Niết bàn; Ba La cũng có nghĩa là Pippala, là lá đề, tượng trưng của trí tuệ... như vậy câu thứ 2 mang nghĩa là cầu sinh lực siêu việt để đạt được trí tuệ viên mãn nhằm bước vào cõi Niết bàn... Đối sánh với thực tế của nghệ thuật Việt, bia chùa Long Đọi, thời Lý, làm năm 1121, có nói rằng: Dựng chùa Diên Hựu trên một cột đá đỉnh cột đá là bông sen nghìn cánh, trên bông sen có tòa nhà đồ sộ, trong đặt tượng Phật mình vàng... Như vậy chùa Một Cột đã biểu hiện một ý thức sùng Phật ở thời Lý, lấy trí tuệ làm trọng, vì có trí tuệ mới bước được vào cõi Niết bàn, và, có trí tuệ mới diệt trừ được ngu tối, mà ngu tối là mầm mống của tội ác. Cho nên ở giai đoạn đạo Phật được sùng kính đã nói lên một khía cạnh thuộc tinh thần nhân ái của người Việt.

2 - Sự phân giải về một pho tượng Phật:

Có nhiều tượng Phật và Bồ tát khác nhau, chúng tôi chưa có điều kiện để giải mã tất cả mọi pho về mọi chi tiết, vì thế tạm chỉ dừng lại ở một pho tượng Phật chung mà thôi.

Đạo Phật là đạo trí tuệ, vì vậy mà trên cao nhất của pho tượng Phật bao giờ cũng có huyệt tướng Sahasarara (Vô kiến đỉnh tướng - một huyệt tướng chỉ có thể nhìn bằng con mắt trí tuệ hoặc con mắt thần mới có thể thấy được). Huyệt này thông thường được thể hiện là một mặt tròn nhỏ, nếu tượng to như người thường thì huyệt này có đường kính trên dưới 5 cm, hơi lồi lên chút ít, được đặt ở vị trí cao nhất và thường khi đứng ở dưới không nhìn thấy. Tuy vậy, đối với người bình dân Việt, đôi khi cần phải có hình tượng để hướng tâm tới trí tuệ nên người ta làm huyệt này nổi cao hẳn lên, thậm trí có thể thay bằng 1 quả cầu tròn rực rỡ ánh vàng (tượng chùa Côn Sơn, Hải Dương). Bộ đỡ cho huyệt này là một khối mang hình bát úp khá lớn ở trên chòm sọ, được gọi là Unisa/Nhục Kháo. Đây là một biểu chỉ có ở những vị Phật mới nầy sinh, nhằm biểu hiện cho trí thông minh cao cả của Đức Phật. Tóc của Đức Phật thường kết thành rất nhiều cụm xoắn

ốc, bao kín Nhục Kháo và cả đầu. Một số nhà dân tộc học mỹ thuật nhìn thấy những xoắn ốc này là biểu tượng của nguồn phát sáng và cho rằng đây là ánh sáng của Phật pháp... Người nhà Phật đã giải thích từng lọn tóc xoắn là biểu tượng của các chữ Thánh, như: Đức tự (tượng trưng cho đạo đức cao hơn hết); Cát Tường tự (tốt lành minh bạch, rõ ràng hơn hết) và Vạn Tự (ngọn lửa tam muội làm tịnh tiến thiện căn, diệt trừ dục vọng). Rõ ràng tất cả những vẻ đẹp thiêng liêng bởi chức năng của các cụm tóc xoắn, hội lại, chỉ nhằm tạo cho bộ não minh mẫn đạt được khả năng về trí tuệ cao viễn, nhằm tiến tới giác ngộ là cơ bản. Các chi tiết khác trên đầu của tượng Phật, thực ra không nhằm để chỉ về chân dung của những con người cụ thể, mà đều là những biểu hiện liên quan tới yếu nghĩa Phật triết, cụ thể như:

+ Với tai lớn, đỉnh tai cao trên lông mày đã biểu hiện về quyền uy, hay oai lực của nhà Phật, tai dày có thành để nói lên sự phúc hậu, thùy tai thấp hơn mũi nhằm phản ánh về tâm đại từ bi.

+ Lông mày cong gọi là nguyệt mi, tạo nên một vẻ đẹp thánh thiện, hội tụ các dòng hạnh phúc, đầu lông mày có xu hướng chảy vào sống mũi, đuôi lông mày che hết mắt để biểu hiện về sự trọn vẹn không vướng mắc với cuộc đời. Mắt của tượng khép hờ bao giờ cũng nhìn xuống, hội vào đỉnh mũi để như tập trung tư tưởng, trí lực, nhằm soi rọi nội tâm (một phần do đạo Phật chú ý nhiều tới nội quan). Tất cả để diệt trừ ma tâm, chống sự tà loạn (nhiều tượng Phật giáo của Trung Hoa mắt cũng khép nhưng nhìn ngang).

+ Mũi của tượng Phật giáo Việt bao giờ cũng đầy đặn, cân phân, ấm áp, sống mũi cao, cánh mũi vừa phải, lỗ mũi tròn, đỉnh mũi không hếch, không khoằm... Người Việt quan niệm rằng mũi là quả núi lớn nằm ở chính trung tâm, nó biểu hiện cho tính cách của con người, vì thế mọi đặc tính như nêu trên của đức Phật đều để chỉ ra: Ngài là một chính nhân quân tử, với sức mạnh về trí tuệ và từ bi cao hơn hết.

+ Tất cả những yếu nghĩa về tóc, tai, mắt, mũi như nêu trên đều để hướng tới một mục đích là cứu vớt chúng sinh đau khổ ở mọi kiếp trầm luân và được hội tụ vào miệng pho tượng. Cụ thể là: Môi của tượng đầy đặn, trên dưới cân bằng, để nói lên trên dưới, trước sau, âm dương, phàm thánh, phải trái... cùng một thể một cội nguồn. Song, đối với chúng sinh một nhu cầu thiết yếu

ở tượng Phật giáo là miệng bao giờ cũng phải thoáng một nụ cười hàm tiếu (cười nhẹ, tùy từng chỗ đứng của mỗi người mà nhận thấy nụ cười có thể khác nhau). Ý nghĩa của nụ cười này là cảm thông và cứu độ. Người tín đồ thường cho rằng, khi ngược lên thấy Phật mỉm cười thì những lời cầu của mình mới đạt hiệu quả, có lẽ vì thế mà trong hiện tượng chạy đàn, ngoài nhu cầu của tín ngưỡng, thì hình thức này còn là yêu cầu về sự đồng cảm giữa chúng sinh với các vị Phật và Bồ tát.

Những ý nghĩa gắn với bộ mặt tượng như nêu trên chưa đủ để nói lên đặc tính của những "con người thiêng liêng" này, mà còn bắt buộc phải lệ thuộc vào phục trang cùng nhiều chi tiết khác. Trong hình thức phục trang, người nhà Phật thường mặc áo cà sa (cũng gọi: Tăng Già Lê, Phúc Điền Y, Hoại Nạp, Hoại Sắc, Pháp Phục, Pháp Y, Ứng Pháp Diệu Phục, Liên Hoa Y, Giải Thoát Ý, Giải Thoát Phục, Giải Thoát Tràng Tướng Y, Xuất Thế Phục, Ly Trần Phục, Vô Cấu Y...), thông thường các áo cà sa có màu vàng, đó là màu giải thoát, xa lìa trần tục ở cuộc đời (các tượng có mặt màu vàng và tay chân màu vàng nhằm biểu hiện vị Phật đó đã ở cõi Niết bàn, ít gắn với việc trần gian, các Bồ tát có mặt hồng phấn đều được cho là còn lăn lộn với thế gian để cứu độ chúng sinh) một màu khác phổ biến gắn với áo cà sa là màu nâu, yếu nghĩa cơ bản của màu này nhằm giúp cho kẻ hành giả chống được kiêu căng ngã mạn để lấy nhẫn làm đầu... Suy cho cùng, tuy áo cà sa có nhiều yếu nghĩa cơ bản, nhưng trọng tâm của áo là Thanh Y (mặc áo này giữ cho tâm trong sáng không bị tà loạn), Tĩnh Y (mặc áo này giữ cho tâm yên tĩnh, nhờ đó mà trí tuệ phát sinh...), đặc biệt còn gọi là Nhẫn Nhục Y, đó là chiếc áo chống được mọi mũi tên của dục vọng (tham, sân, ái, ái, ố, hỉ, nộ) nhờ đó mà mọi sự đều trong sáng tốt lành để bước vào kiếp tu, hướng tới thiện căn và tinh tiến trên dòng chảy của đạo Pháp.

Hội tụ tất cả những yếu nghĩa về đầu, mặt và trang phục như kể trên, có thể nghĩ kiếp tu này đã đạt được quả Niết bàn, nên được ngồi trên tòa sen./.

(Kỳ sau: Phong cách và kết án của tượng Phật giáo)

NGUYỄN HẢI NINH
(Theo tư liệu của Trần Lâm)